

VẬN DỤNG "NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG" TRONG DẠY HỌC GIÁO DỤC HỌC

THS. TRẦN THỊ TUA*

Y tưởng về nghiên cứu ứng dụng (NCUD) là cách tốt nhất để xác định và điều tra những vấn đề giáo dục tại nơi vấn đề đó xuất hiện (tại lớp học và trường học). Thông qua việc "tích hợp NCUD vào quá trình dạy học tại lớp học, trường học sẽ giúp cho những người đang hoạt động trong môi trường đó tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, các phát hiện sẽ được ứng dụng ngay lập tức và vấn đề sẽ được giải quyết nhanh hơn" (Guskey, 2000).

1. Nghiên cứu ứng dụng (nghiên cứu tác động)

NCUD được thực hiện để đánh giá một tác động hoặc can thiệp. Tác động có thể là việc sử dụng phương pháp dạy học, sách giáo khoa, phương pháp quản lí, chính sách, công cụ mới... của giáo viên (GV), cán bộ quản lí nhà trường hoặc các nhà quản lí cấp quốc gia. Người nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của tác động một cách có hệ thống bằng phương pháp nghiên cứu phù hợp.

Hai yếu tố quan trọng của NCUD là *Tác động* và *Nghiên cứu*. Lựa chọn tác động là một giải pháp thay thế cho giải pháp đang dùng, GV cần tham khảo nhiều nguồn thông tin và sáng tạo để tìm kiếm và xây dựng giải pháp thay thế. GV cần biết các phương pháp chuẩn mực để đánh giá tác động một cách hiệu quả.

NCUD khi được áp dụng đúng trong trường học sẽ mang lại những lợi ích sau: - Tạo ra hệ thống tư duy của GV theo hướng giải quyết vấn đề mang tính nghề nghiệp để hướng tới sự phát triển của nhà trường; - Tăng cường năng lực giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định chuyên môn, đưa ra câu trả lời chính xác cho việc ra quyết định; - Hỗ trợ nguyên tắc nhìn lại quá trình và tự đánh giá trong cộng đồng GV; - Truyền tải động lực và sự cam kết không ngừng tiến bộ; - Tác động trực tiếp lên việc giảng dạy môn học và quản lí; - Tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của GV. GV tiến hành NCUD sẽ tiếp nhận các lí thuyết mới, sự sáng tạo và chương trình với thái độ tích.

2. Vận dụng "NCUD" trong dạy học Giáo dục học

Hiểu được bản chất của NCUD và những ích lợi

mà NCUD đem lại, việc vận dụng "NCUD" trong dạy học giáo dục học là điều cần thiết; bởi lẽ Giáo dục học là một ngành khoa học chuyên nghiên cứu về các hiện tượng, các quy luật diễn biến của quá trình

Bảng 1. (Khung NCUD). Mô tả 7 bước với các hoạt động kèm theo mỗi bước

Các bước	Hoạt động
1. Hiện trạng (Bối cảnh hiện tại)	GV - người nghiên cứu tìm những nhược điểm của tình hình hiện tại trong việc dạy học, quản lí và các hoạt động khác của trường
2. Giải pháp thay thế	GV - người nghiên cứu suy nghĩ về các giải pháp thay thế cho tình huống hiện tại. GV - người nghiên cứu liên hệ với các ví dụ thành công đã được triển khai trước đây và áp dụng vào tình huống hiện tại
3. Vấn đề nghiên cứu	GV - người nghiên cứu sẽ hình thành cơ sở cho vấn đề nghiên cứu với các giả thuyết đi kèm
4. Thiết kế	GV - người nghiên cứu thiết kế các mô hình thu thập dữ liệu đáng tin cậy và có giá trị để phân tích. Thiết kế bao gồm việc xác định nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, quy mô nhóm và thời gian thu thập dữ liệu
5. Đo lường	GV - người nghiên cứu sẽ thu thập dữ liệu theo thiết kế nghiên cứu
6. Phân tích	GV - người nghiên cứu sẽ phân tích và giải thích các dữ liệu thu được để trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Các công cụ thống kê sẽ được áp dụng trong bước này.
7. Kết quả	Tại bước này, GV - người nghiên cứu đưa ra câu trả lời cho mỗi câu hỏi nghiên cứu, các kết luận và tài liệu cho toàn bộ nghiên cứu

Bảng 2. Ví dụ về việc sử dụng khung NCUD

Tên đề tài: *Sử dụng câu hỏi nêu vấn đề có nâng cao khả năng đọc - hiểu văn bản của HS lớp 6 không?*

Các bước	Hoạt động												
1. Hiện trạng (Bối cảnh hiện tại)	HS được học tác phẩm và trả các câu hỏi tài hiện kiến thức trong môn văn học. Kết quả là HS chỉ nhớ những điều GV thuyết giảng về văn bản và không có khả năng hiểu sâu về tác phẩm												
2. Giải pháp thay thế	Phương pháp sử dụng câu hỏi nêu vấn đề có khả năng đưa người học vào các tình huống có vấn đề, trong đó HS phải vận dụng những điều đã biết nhằm giải quyết vấn đề. Trong quá trình giải quyết vấn đề, HS có hiểu biết mới về tác phẩm												
3. Vấn đề nghiên cứu	Sử dụng câu hỏi nêu vấn đề có nâng cao kết quả đọc-hiểu văn bản của HS lớp 6 DTTS không? Có thể sử dụng câu hỏi nêu vấn đề làm tăng khả năng đọc hiểu của HS lớp 6												
4. Thiết kế	Thiết kế kiểm tra trước và sau tác động với nhóm ngẫu nhiên (dựa vào kết quả bài kiểm tra học kì I)	Nhóm	KT trước TD	Tác động	KT sau tác động	Nhóm thực nghiệm (N=32)	O1	X	O3	Nhóm đối chứng (N=30)	O2		O4
Nhóm	KT trước TD	Tác động	KT sau tác động										
Nhóm thực nghiệm (N=32)	O1	X	O3										
Nhóm đối chứng (N=30)	O2		O4										
5. Đo lường	Bài kiểm tra đọc - hiểu với 10 câu hỏi nhiều lựa chọn và 1 câu hỏi tự luận được thiết kế làm bài kiểm tra trước và sau tác động												
6. Phân tích	Một số GV tham gia đánh giá bài KT trước và sau tác động để đảm bảo độ giá trị. Thực hiện chấm chéo các bài KT trước và sau tác động để đảm bảo độ tin cậy. Sử dụng phép kiểm chứng t-test độc lập đối với kết quả bài KT đọc hiểu sau tác động đối với cả 2 nhóm. Tính mức độ ảnh hưởng (ES) để xác định ý nghĩa của kết quả thu được												
7. Kết quả	Chênh lệch giá trị TB (nhóm thực nghiệm - nhóm đối chứng) là 1,52. Giá trị p (=0,01) của phép kiểm chứng t-test độc lập cho thấy chênh lệch này là có ý nghĩa (0,01 < 0,05) Mức độ ảnh hưởng ES = 1,11 cho thấy tác động mang lại hiệu quả rất lớn												
	Có thể khẳng định rằng việc sử dụng câu hỏi nêu vấn đề đã nâng cao khả năng đọc hiểu của HS, sự tiến bộ này có ảnh hưởng lớn. Do đó, ta chấp nhận giả thuyết đặt ra												

* Trường Cao đẳng Tuyên Quang

dạy học và giáo dục để đưa ra những yêu cầu, những tác động phù hợp. Những yêu cầu đối với người được giáo dục và những tác động đến họ cần được đánh giá một cách khách quan và NCUD đã giải quyết được điều đó.

Để GV có thể tiến hành NCUD hiệu quả trong các tình huống thực tế, các nhà khoa học đã chuyển tải khái niệm NCUD thành một khung thực hiện đơn giản. Khung thực hiện này gồm 7 bước riêng rẽ: 1) Bối cảnh hiện tại; 2) Giải pháp thay thế; 3) Vấn đề nghiên cứu; 4) Thiết kế; 5) Đo lường; 6) Phân tích; 7) Kết quả.

3. Các phương pháp tiếp cận NCUD. Có phương pháp tiếp cận định tính và định lượng: cả hai cách tiếp cận đều có điểm mạnh và điểm yếu nhưng đều nhấn mạnh đến tư duy để nhìn nhận lại GV trong quá trình giảng dạy và quá trình nghiên cứu, năng lực phân tích để đánh giá các hoạt động một cách có hệ thống và năng lực truyền đạt kết quả tới những người quan tâm tới lĩnh vực này.

Nội dung nghiên cứu thiên về nghiên cứu định lượng trong NCUD, vì nó có một số các lợi ích như sau: - Trong nhiều tình huống, kết quả nghiên cứu định lượng dưới dạng các số liệu (điểm số của HS) có thể được giải nghĩa một cách rõ ràng và dễ hiểu. Điều này giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung nghiên cứu; - Tiếp cận mang tính định lượng đem đến cho GV cơ hội được đào tạo một cách nghiêm túc về kỹ năng giải quyết vấn đề, phân tích và đánh giá; đó là những nền tảng quan trọng khi tiến hành nghiên cứu

định lượng; - Thống kê được sử dụng sẽ theo các chuẩn quốc tế về thống kê nghiên cứu. Đối với người nghiên cứu, thống kê giống như một ngôn ngữ thứ hai. Điều này khiến NCUD trở nên dễ hiểu đối với cộng đồng khoa học quốc tế.

NCUD giúp GV lĩnh hội được các kỹ năng mới về tìm hiểu thông tin và giải quyết vấn đề, đồng thời nhìn lại được quá trình giao tiếp và hợp tác với HS, SV. Qua đó, điều khiển được quá trình dạy học - giáo dục cho phù hợp. □

(1) Guskey, T. R. **Đánh giá phát triển chuyên môn.** Thousand Oaks, CA: NXB Corwin. 2000.

Tài liệu tham khảo

2. Rawlinson, D., & Little, M. (2004). *Nghiên cứu ứng dụng trong lớp học* Tallahassee, FL: Sở Giáo dục bang Florida.

3. Soh, K. C. & Tan, C. (2008). *Hội thảo về Nghiên cứu ứng dụng.* Hong Kong: EL21.

SUMMARY

Research and application (NCUD) is part of the professional development of teachers in the 21st century. With NCUD, teachers will acquire the skills to learn new information, solve problems, look at the process of communication and cooperation. NCUD to help educators to "study the learning ability of students in relation to teaching methods and education enables people to better understand their pedagogical methods to monitor the student's progress" (Rawlinson & Little, 2004).

Cơ chế tài chính đối với...

(Tiếp theo trang 13)

Bảng 2 cho thấy, trong tổng nguồn tài chính sử dụng cho KH&CN của các trường ĐH trực thuộc Bộ GD-ĐT, nguồn tài chính sử dụng vào hoạt động KH&CN chiếm tỉ lệ cao nhất, trong giai đoạn 2001-2005 là 60%, giai đoạn 2006-2010 là 63%. Nguồn tài chính sử dụng để tăng cường năng lực nghiên cứu (đầu tư phát triển) chiếm 27% trong giai đoạn 2001-2005 và 21% trong giai đoạn 2006 - 2010.

Những thực trạng về cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN ở các trường ĐH trực thuộc Bộ GD-ĐT trong giai đoạn hiện nay, là cơ sở để từ đó chúng tôi tiếp tục đề xuất những giải pháp góp phần làm tăng nguồn đầu tư cho các hoạt động KH&CN trong các trường ĐH. □

Tài liệu tham khảo

1. Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13.

2. Luật Giáo dục. NXB Chính trị quốc gia, H. 2005.

3. Nghị quyết Trung ương 2 (Khoá VIII) về định hướng chiến lược phát triển GD-ĐT và định hướng phát triển khoa học, công nghệ trong thời kì CNH, HĐH đất nước.

4. Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ "Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập".

SUMMARY

Within the scope of our article refers to the policies of the Party and State financial mechanism for operation in science and technology universities directly under the Ministry of Education and Training Phase of the year innovation, funding for scientific activities and technologies from the state budget; situation mobilize financial resources, the actual use of funds for activities in science and technology universities. These are issues important role for education today.